

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Số: 126 /2022/SGW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

V/v: Công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: 028 62918483 Fax: 028 62918489

Website: www.saigonwater.com.vn

Mã chứng khoán: SII

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2022.

Mọi thông tin chi tiết xin xem thêm Báo cáo tài chính Riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 được ban hành ngày 25/08/2022 đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày /08/2022 tại website <https://saigonwater.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 35

2012
K
TÀI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Laurence Rentuza	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Cecilia T. Cruzabra	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Marsha Emelinda Q. Santos	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr.	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022

Số: 1532/2022/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2022, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 326.673.007.349 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 29.822.792.611 đồng (6 tháng đầu năm 2021 lỗ 42.394.504.715 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 42.880.121.991 đồng (6 tháng đầu năm 2021 âm 42.685.533.118 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.426.040.583	129.270.642.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.766.862.334	38.221.090.353
1. Tiền	111	V.1	3.766.862.334	38.221.090.353
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.276.211.957	65.081.924.831
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.345.606.452	9.172.148.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		97.771.860	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	100.338.323.786	94.861.088.338
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	689.267.011	329.343.184
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(47.194.757.152)	(39.280.655.535)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	7.588.325.200	5.959.680.228
1. Hàng tồn kho	141		7.588.325.200	5.959.680.228
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.794.641.092	20.007.947.152
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	457.319.382	244.481.017
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.654.351.752	10.080.496.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	9.682.969.958	9.682.969.958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.511.340.727.402	2.547.176.204.084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.470.543.346.969	1.506.040.767.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.469.084.738.307	1.504.478.537.424
- Nguyên giá	222		1.816.949.544.930	1.819.790.962.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(347.864.806.623)	(315.312.425.101)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.458.608.662	1.562.230.541
- Nguyên giá	228		2.065.354.180	2.065.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(606.745.518)	(503.123.639)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		918.053.848	238.905.197
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	918.053.848	238.905.197
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.032.713.183.611	1.032.713.183.611
1. Đầu tư vào công ty con	251		769.900.000.000	819.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		183.359.788.611	139.259.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(63.700.000.000)	(69.100.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.061.142.974	8.078.347.311
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	397.631.619	1.411.916.040
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.663.511.355	6.666.431.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.608.766.767.985	2.676.446.846.648

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.732.936.653.944	1.770.793.939.996
I. Nợ ngắn hạn	310		424.099.047.932	420.576.333.984
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	27.195.361.433	29.278.149.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		175.398.774	125.276.626
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	62.417.892	71.720.592
4. Phải trả người lao động	314		194.860.888	1.224.108.483
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9.301.959.087	16.934.055.956
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	17.126.487.733	6.795.984.431
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	370.042.562.125	365.952.184.611
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	194.853.930
II. Nợ dài hạn	330		1.308.837.606.012	1.350.217.606.012
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	850.000.000.000	850.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	458.837.606.012	500.217.606.012
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	875.830.114.041	905.652.906.652
I. Vốn chủ sở hữu	410		875.830.114.041	905.652.906.652
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	16.623.462.173
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.174.060.268	81.996.852.879
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81.996.852.879	165.167.119.954
- Lỗ sau thuế kỳ này	421b		(29.822.792.611)	(83.170.267.075)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.608.766.767.985	2.676.446.846.648



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54.934.119.624	46.703.192.994
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		54.934.119.624	46.703.192.994
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	73.175.687.958	67.332.504.112
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(18.241.568.334)	(20.629.311.118)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	45.702.750.567	36.416.105.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.698.371.876	45.572.027.425
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.681.756.076	41.057.860.902
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.778.107.827	4.693.910.216
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.827.235.265	7.933.037.588
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(29.842.532.735)	(42.412.180.898)
11. Thu nhập khác	31		19.740.124	17.676.183
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.740.124	17.676.183
14. Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(29.822.792.611)	(42.394.504.715)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(29.822.792.611)	(42.394.504.715)



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ kế toán trước thuế	01	(29.822.792.611)	(42.394.504.715)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	33.687.247.911	33.613.333.479
Các khoản dự phòng	03	7.914.101.617	3.817.915.779
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(43.241.132.626)	(36.135.735.934)
Chi phí lãi vay	06	40.681.756.076	41.817.160.907
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.219.180.367	718.169.516
Tăng các khoản phải thu	09	(11.889.631.356)	(3.662.637.973)
Tăng hàng tồn kho	10	(968.726.256)	(69.725.487)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.751.175.925)	848.501.115
Giảm chi phí trả trước	12	801.446.056	1.252.462.969
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.096.360.947)	(40.652.303.258)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(194.853.930)	(1.120.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.880.121.991)	(42.685.533.118)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.861.719.057)	(1.304.261.291)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000)	(19.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	31.061.373.374
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.202.613.029	59.474.356.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	34.330.893.972	70.231.468.857
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	38.395.000.000	136.700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(64.300.000.000)	(164.769.111.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.905.000.000)	(28.069.111.840)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(34.454.228.019)	(523.176.101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.221.090.353	1.826.577.838
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	3.766.862.334	1.303.401.737



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 122.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xử lý và cung cấp nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 1 tháng 4 năm 2022, Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2022/BBTT-HTV/CII-TD-SII với Công ty CII và Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam (Công ty T&D). Theo đó, Công ty T&D đồng ý mua lại khoản nợ và lãi vay mà Công ty phải trả Công ty CII phát sinh từ Hợp đồng hỗ trợ vốn số 10/2019/HD-CII ngày 22 tháng 5 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng đính kèm với tổng giá trị là 289.477.701.632 đồng tại ngày ký biên bản thỏa thuận. Công ty đã kết chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả Công ty CII sang phải trả Công ty T&D theo biên bản xác nhận công nợ ba bên ký ngày 1 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	30/06/2022		01/01/2022		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%	43,00%	43,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku (1)	49,00%	49,00%	55,00%	55,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(1) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thoái vốn một phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku, tỷ lệ sở hữu giảm từ 55% xuống còn 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 326.673.007.349 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 29.822.792.611 đồng (6 tháng đầu năm 2021 lỗ 42.394.504.715 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 42.880.121.991 đồng (6 tháng đầu năm 2021 âm 42.685.533.118 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn, thanh lý tài sản. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Ngoài ra, nâng cao hoạt động của Dự án Củ Chi thông qua việc sản lượng ghi thu dự kiến sẽ phục hồi và tăng trưởng 18% so với năm 2021, lộ trình tăng giá nước sạch năm 2022 (theo Quyết định số 25 năm 2019).
- Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku, Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê nhằm cải thiện khả năng thanh toán, nguồn tiền dôi dư sẽ dùng để thanh toán các khoản nợ vay cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam và nợ vay ngân hàng.
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (72,24 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia (9,9 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (4,59 tỷ đồng).
- Ngày 21 tháng 4 năm 2022, Công ty có ký hợp đồng hỗ trợ vốn số 2104/SII-T&D với Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam, hạn mức là 50 tỷ trong thời hạn 12 tháng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính và kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	94.443.623	899.525.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.672.418.711	37.321.564.726
Cộng	3.766.862.334	38.221.090.353
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan		
Ông Lê Văn Nam (i)	2.700.000.000	-
Phải thu khách hàng khác		
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	8.845.606.452	8.372.148.844
Các đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	12.345.606.452	9.172.148.844
<i>(i) Đây là khoản phải thu chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng số 01/2022/HĐ-SGW ngày 22 tháng 2 năm 2022 về việc chuyển nhượng 540.000 cổ phần, tương ứng 6% của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku.</i>		
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	94.520.790.848	89.352.600.392
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	5.707.532.938	5.408.487.946
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	110.000.000	100.000.000
Cộng	100.338.323.786	94.861.088.338

(i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với hạn mức 73,2 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.

(ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4. Phải thu khác	30/06/2022	01/01/2022	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
	VND	VND							
a. Ngắn hạn									
Tạm ứng cho nhân viên	569.150.000	-							
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	238.400.000							
Phải thu ngắn hạn khác	100.117.011	90.943.184							
Cộng	689.267.011	329.343.184							
b. Dài hạn									
Ký cược, ký quỹ dài hạn	5.000.000	5.000.000							
Tổng cộng phải thu khác	689.267.011	329.343.184							
Trong đó, phải thu khác các bên liên quan									
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	40.000.000	40.000.000							
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi									
	30/06/2022	01/01/2022							
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.526.863.509	360.707.944	(5.166.155.565)	5.614.913.040	484.338.880	(5.130.574.160)	94.761.088.338	60.611.006.963	(34.150.081.375)
Phải thu vé cho vay ngắn hạn	100.228.323.786	58.199.722.199	(42.028.601.587)	100.376.001.378	61.095.345.843	(39.280.655.535)	105.755.187.295	58.560.430.143	(47.194.757.152)
Cộng	5.627.091.835	418.907.141	(47.194.757.152)	5.991.289.418	545.434.723	(5.520.629.695)	194.537.125.633	121.646.353.806	(73.430.736.740)
Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi									
	30/06/2022	01/01/2022							
	VND	VND							
Số dư tại ngày đầu kỳ	(39.280.655.535)	(23.604.338.271)							
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.914.101.617)	(15.676.317.264)							
Số dư tại ngày cuối kỳ	(47.194.757.152)	(39.280.655.535)							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.588.325.200	-	5.959.680.228	-

7. Chi phí trả trước

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí tham quan du lịch của nhân viên	225.809.010	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.211.371	47.441.668
Chi phí bảo trì phần mềm	81.458.333	162.916.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.840.668	34.122.682
Cộng	457.319.382	244.481.017
b. Dài hạn		
Cước dịch vụ hoá đơn điện tử	322.239.960	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.935.300	18.515.871
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	25.019.695	973.461.949
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.436.664	419.938.220
Cộng	397.631.619	1.411.916.040
Tổng cộng chi phí trả trước	854.951.001	1.656.397.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	96.532.991.903	1.721.844.961.531	1.413.009.091	1.819.790.962.525
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	975.541.566	-	975.541.566
Thanh lý trong kỳ (i)	-	(3.816.959.161)	-	(3.816.959.161)
Tại ngày 30/06/2022	96.532.991.903	1.719.003.543.936	1.413.009.091	1.816.949.544.930
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	24.131.929.090	290.636.509.953	543.986.058	315.312.425.101
Khấu hao trong kỳ	2.413.360.812	31.105.948.114	64.317.106	33.583.626.032
Thanh lý trong kỳ (i)	-	(1.031.244.510)	-	(1.031.244.510)
Tại ngày 30/06/2022	26.545.289.902	320.711.213.557	608.303.164	347.864.806.623
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	72.401.062.813	1.431.208.451.578	869.023.033	1.504.478.537.424
Tại ngày 30/06/2022	69.987.702.001	1.398.292.330.379	804.705.927	1.469.084.738.307

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ VND, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 VND, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.789.796.153.197 VND, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 VND và giai đoạn 2 là 453.646.994.598 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 3.224.167.156 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 2.432.821.701 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 1.789.796.153.197 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 1.795.975.020.258 VND (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

(i) Trong kỳ, Công ty đã thanh lý các đồng hồ nước đã hết hạn kiểm định, hư hỏng và không đạt chất lượng sau khi tái kiểm định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình	Chương trình phần mềm VND	
	30/06/2022	01/01/2022
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2022		2.065.354.180
Mua trong kỳ		-
Tại ngày 30/06/2022	<u>2.065.354.180</u>	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2022		503.123.639
Khấu hao trong kỳ		103.621.879
Tại ngày 30/06/2022	<u>606.745.518</u>	
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022		1.562.230.541
Tại ngày 30/06/2022	<u>1.458.608.662</u>	
Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 1.760.000.000 VND (xem thêm tại Thuyết minh V.17).		
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	<u>918.053.848</u>	<u>238.905.197</u>
Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	<u>238.905.197</u>	<u>238.905.197</u>
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong kỳ	1.654.690.217	606.709.119
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(975.541.566)	(606.709.119)
Số dư cuối kỳ	<u>918.053.848</u>	<u>238.905.197</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Dài hạn	30/06/2022		01/01/2022					
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i)	-	220.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)	9.180.000	121.176.000.000	-	174.162.960.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)	9.000.000	105.000.000.000	-	181.134.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	-	(i)	25.500	2.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	-	-	-	4.950.000	49.500.000.000	(49.500.000.000)	10.924.650.000
Cộng	50.322.900	769.900.000.000	-	-	55.272.900	819.400.000.000	(49.500.000.000)	10.924.650.000

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

Vốn điều lệ đã góp vào các Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN đã được các công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại *Thuyết minh V.16*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dài hạn (tiếp theo)	30/06/2022			01/01/2022				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)	10.320.000	119.659.788.611	-	777.178.560.000
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (ii)	4.410.000	44.100.000.000	(44.100.000.000)	(i)	-	-	-	-
Cộng	16.690.000	183.359.788.611	(63.700.000.000)		12.280.000	139.259.788.611	(19.600.000.000)	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	(i)	409.114	143.153.395.000	-	(ii)
-------------------------------------	---------	-----------------	---	-----	---------	-----------------	---	------

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ của Công ty.

(ii) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 540.000 cổ phần (tương đương 6%) vốn góp của Công ty Pleiku. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Pleiku giảm từ 55% xuống 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày 22 tháng 2 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.663.511.355	-	6.666.431.271	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán không phải là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	13.710.898.273	13.710.898.273	15.286.822.162	15.286.822.162
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	9.300.786.891	9.300.786.891	8.694.411.891	8.694.411.891
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
Các nhà cung cấp khác	1.047.045.433	1.047.045.433	2.160.284.466	2.160.284.466
Cộng	27.195.361.433	27.195.361.433	29.278.149.355	29.278.149.355

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	30/06/2022 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
b. Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	43.817.217	286.091.620	300.663.262	29.245.575
Phí bảo vệ môi trường	27.903.375	195.427.223	190.158.281	33.172.317
Thuế nhà thầu	-	53.625.000	53.625.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	71.720.592	538.143.843	547.446.543	62.417.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay	8.660.158.793	15.299.981.563
Các khoản trích trước khác	641.800.294	1.634.074.393
Cộng	9.301.959.087	16.934.055.956
16. Phải trả khác	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	16.225.217.899	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho các bên liên quan	-	5.954.511.765
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Phải trả khác	65.980.834	6.183.666
Cộng	17.126.487.733	6.795.984.431
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	209.446.835	88.951.471
Công ty CII	-	5.865.560.294
Cộng	209.446.835	5.954.511.765
b. Phải trả dài hạn khác		
Vốn hợp tác đầu tư (i)	850.000.000.000	850.000.000.000
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000
Tổng cộng phải trả khác	867.126.487.733	856.795.984.431

(i) Chi tiết khoản vốn hợp tác đầu tư bao gồm:

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ VND để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN với số tiền 220 tỷ VND, theo đó Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay các bên khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	281.442.562.125	281.442.562.125	312.442.562.125	31.000.000.000	-	-
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	1.500.000.000	281.442.562.125	279.942.562.125	279.942.562.125
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kía	-	-	5.895.000.000	12.884.622.486	6.989.622.486	6.989.622.486
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem thuyết minh b</i>)	88.600.000.000	88.600.000.000			79.020.000.000	79.020.000.000
Cộng	370.042.562.125	370.042.562.125	319.837.562.125	325.327.184.611	365.952.184.611	365.952.184.611

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	547.437.606.012	547.437.606.012	-	31.800.000.000	579.237.606.012	579.237.606.012
Cộng	547.437.606.012	547.437.606.012	-	31.800.000.000	579.237.606.012	579.237.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(88.600.000.000)	(88.600.000.000)			(79.020.000.000)	(79.020.000.000)
Cộng	458.837.606.012	458.837.606.012			500.217.606.012	500.217.606.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	281.442.562.125	12 tháng	28/12/2022	Lãi suất trong kỳ cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	388.017.939.474	126 tháng	06/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,5% theo từng khế ước	Tài trợ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi
	159.419.666.538	180 tháng	28/06/2032			
Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng						
			30/06/2022	01/01/2022	VND	VND
Trong vòng một năm			88.600.000.000		79.020.000.000	
Trong năm thứ hai			100.200.000.000		90.920.000.000	
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm			238.217.939.474		277.377.939.474	
Sau năm năm			120.419.666.538		131.919.666.538	
			547.437.606.012		579.237.606.012	
			(88.600.000.000)		(79.020.000.000)	
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng			458.837.606.012		500.217.606.012	
Cộng						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Công VND
Tại ngày 01/01/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	165.167.119.954	988.823.173.727
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(42.394.504.715)	(42.394.504.715)
Tại ngày 30/06/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	122.772.615.239	946.428.669.012
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(40.775.762.360)	(40.775.762.360)
Tại ngày 31/12/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	81.996.852.879	905.652.906.652
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	81.996.852.879	905.652.906.652
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(29.822.792.611)	(29.822.792.611)
Tại ngày 30/06/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	52.174.060.268	875.830.114.041

b. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
64.522.104	64.522.104	64.522.104
64.522.104	64.522.104	64.522.104
64.522.104	64.522.104	64.522.104
-	-	-
-	-	-
64.522.104	64.522.104	64.522.104
64.522.104	64.522.104	64.522.104

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng
+ *Cổ phiếu phổ thông*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)
+ *Cổ phiếu phổ thông*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ *Cổ phiếu phổ thông*
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Doanh thu cung cấp nước sạch	54.454.419.215	45.860.858.430
	Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	479.700.409	842.334.564
	Cộng	54.934.119.624	46.703.192.994
2.	Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Giá vốn cung cấp nước sạch	72.915.730.781	66.692.788.926
	Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	259.957.177	639.715.186
	Cộng	73.175.687.958	67.332.504.112
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Cổ tức được chia	42.660.000.000	30.960.000.000
	Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	2.700.000.000	-
	Chiết khấu thanh toán	332.902.090	280.369.515
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.848.477	5.015.747.569
	Lãi chậm thanh toán	-	159.988.365
	Cộng	45.702.750.567	36.416.105.449
	<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	30.960.000.000	30.960.000.000
	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	11.700.000.000	497.577.435
	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	4.245.004.158
	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	-	268.292.950
	Công ty CII	-	159.988.365
	Cộng	42.660.000.000	36.130.862.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.	Chi phí tài chính	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	40.681.756.076	41.057.860.902
	Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	-	3.754.866.518
	Chi phí phát hành trái phiếu	-	759.300.005
	Chi phí tài chính khác	16.615.800	-
	Cộng	40.698.371.876	45.572.027.425
	<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
	Công ty CII	8.064.579.213	12.165.084.707
	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	435.872.878	84.390.412
	Cộng	8.500.452.091	12.249.475.119
5.	Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Chi phí nhân viên bán hàng	5.253.035.574	4.308.985.861
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.522.331	154.418.166
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.105.919	230.506.189
	Các khoản chi phí khác	24.444.003	-
	Cộng	5.778.107.827	4.693.910.216
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Chi phí nhân viên quản lý	5.616.055.959	5.065.693.958
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.371.203	340.324.812
	Chi phí dự phòng	2.446.866.169	63.049.261
	Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	660.000.000	660.000.000
	Các khoản chi phí khác	2.046.941.934	1.803.969.557
	Cộng	10.827.235.265	7.933.037.588
	<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	324.092.642	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Lỗ kế toán trước thuế	(29.822.792.611)	(42.394.504.715)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	27.316.920.767	27.869.133.559
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(42.660.000.000)	(30.960.000.000)
Lỗ tính thuế	(45.165.871.844)	(45.485.371.156)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (i)	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

- (i) Trong kỳ, Công ty mẹ CII đã thoái một phần vốn, Công ty NBB từ công ty con trở thành công ty liên kết của CII.

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh			
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.500.000.000	136.700.000.000	
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	5.895.000.000	-	
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	3.373.608.150	
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku			
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	4.500.000.000	
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia			
Nhận tiền cổ tức	11.700.000.000	-	
Nhận tiền hỗ trợ vốn	5.895.000.000	10.361.000.000	
Trả tiền hỗ trợ vốn	1.500.000.000	5.000.000.000	
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	14.500.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp			
Nhận tiền cổ tức	30.960.000.000	30.960.000.000	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi			
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	10.000.000	-	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ			
Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	646.677.500	497.000.000
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	330.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	485.517.500	383.240.000
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm từ ngày 16/06/2022)	400.497.500	336.240.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	443.017.500	114.134.400
Ông Alvin S.Evangelista	Giám đốc Kiểm soát Tài chính (miễn nhiệm từ ngày 20/10/2021)	-	330.000.000
Cộng		2.305.710.000	1.990.614.400

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng		
Chuyển nợ gốc vay phải trả Công ty CII sang Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	281.442.562.125	-
Chuyển nợ lãi vay phải trả Công ty CII sang Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	8.035.139.507	-
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	31.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay công ty mẹ	1.500.000.000	136.700.000.000
Tiền thu từ đi vay công ty con	5.895.000.000	-
	38.395.000.000	136.700.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	62.800.000.000	23.811.673.965
Tiền trả nợ gốc vay công ty con	1.500.000.000	5.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay công ty mẹ	-	50.957.437.875
Tiền trả nợ gốc trái phiếu	-	85.000.000.000
	64.300.000.000	164.769.111.840

3. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	500.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	360.000.000	-
Cộng	860.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 8/2022/SGW-NQ và Nghị quyết số 9/2022/SGW-NQ thông qua phương án thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku và Công ty Cổ Phần Nước Sài Gòn - An Khê.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/2022/SGW/HĐQT-NQ phê duyệt kế hoạch mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi do công ty Manila Water South Asia Holding PTE Ltd và VIAC (No.1) Limited Partnership đang nắm giữ.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/2022/SGW/HĐQT-NQ phê duyệt kế hoạch bán cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của Công ty CII và các cổ đông khác mà không chào mua công khai.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được kiểm toán và soát xét.



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2022